



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Hoạt động -
Kinh doanh**

Chứng khoán số 116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 54/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Thúy Nga	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 5 năm 2014)
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 5 năm 2014)
Ông Trần Hải Hà	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Bà Đặng Thúy Dung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Bà Đoàn Kim Dung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Ông Phan Phương Anh	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2014)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2014)
Bà Nguyễn Kim Chung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng M, 3 và 7
Tòa nhà MB
Số 3 Liễu Giai
Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 48. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-088/1



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, 12-08-2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.210.634.866.283	2.146.895.299.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	743.227.962.811	710.568.300.371
1. Tiền	111		743.227.962.811	670.568.300.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	128.730.273.270	106.635.225.499
1. Đầu tư ngắn hạn	121		236.632.950.419	232.512.628.432
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(107.902.677.149)	(125.877.402.933)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.318.018.222.984	1.310.949.270.672
1. Phải thu của khách hàng	131	7	1.475.670.761.924	1.408.956.804.593
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.982.503.140	1.043.653.953
5. Các khoản phải thu khác	138	7	254.165.252.823	299.478.377.084
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(413.800.294.903)	(398.529.564.958)
IV. Hàng tồn kho	140		340.361.354	204.357.004
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.318.045.864	18.538.146.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.079.979.891	1.710.374.083
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15	376.378.781	376.378.781
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	17.861.687.192	16.451.393.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		484.468.628.555	503.191.316.571
II. Tài sản cố định	220		7.299.320.177	9.182.958.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.705.673.177	8.311.624.025
<i>Nguyên giá</i>	222		49.892.528.463	50.313.317.337
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.186.855.286)	(42.001.693.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	563.983.000	841.670.280
<i>Nguyên giá</i>	228		8.150.151.501	8.150.151.501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.586.168.501)	(7.308.481.221)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		29.664.000	29.664.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	385.326.429.849	400.037.164.649
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		153.993.575.350	150.427.500.150
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		153.993.575.350	150.427.500.150
4. Đầu tư dài hạn khác	258		253.402.082.499	288.103.892.499
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(22.069.228.000)	(38.494.228.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		91.842.878.529	93.971.193.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	85.533.834.422	87.998.583.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.607.932.000	5.607.932.000
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	14	456.433.957	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		244.678.150	244.678.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.695.103.494.838	2.650.086.616.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

B01a-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.440.032.479.712	1.426.556.777.396
I. Nợ ngắn hạn	310		1.424.514.265.399	1.411.302.377.396
2. Phải trả người bán	312		2.818.651.851	1.699.921.881
3. Người mua trả tiền trước	313		1.447.002.000	1.302.002.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.744.082.302	2.764.233.380
5. Phải trả người lao động	315		981.491.889	1.484.380.551
6. Chi phí phải trả	316	16	6.104.864.787	15.794.990.292
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	1.387.163.365.396	1.369.954.693.001
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		229.003.172	961.512.981
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		15.291.836.688	1.901.724.813
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	18	7.699.923.832	15.426.836.001
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		34.043.482	12.082.496
II. Nợ dài hạn	330		15.518.214.313	15.254.400.000
3. Phải trả dài hạn khác	333	19	15.518.214.313	15.254.400.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.255.071.015.126	1.223.529.839.135
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.255.071.015.126	1.223.529.839.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		114.351.957	114.351.957
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		110.156.357	114.351.957
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		33.603.706.812	2.058.335.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.695.103.494.838	2.650.086.616.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	142.291.810.000	142.291.810.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	57.000.000	57.000.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	7.553.191.690.000	7.438.811.450.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	7.061.124.110.000	6.785.970.450.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	188.976.450.000	200.852.560.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	6.756.563.250.000	6.491.980.180.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	115.584.410.000	93.137.710.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	225.620.880.000	368.359.210.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	225.620.880.000	368.359.210.000
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	262.352.700.000	280.940.510.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	262.352.700.000	280.940.510.000
6.4 <i>Chứng khoán tạm giữ</i>	022	884.570.000	50.600.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	3.209.430.000	3.490.680.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	3.209.430.000	3.490.680.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	138.197.050.000	170.394.340.000

Người lập:



Nguyễn Văn Học
 Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
 Tổng Giám đốc

12-08-2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B02a-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
1. Doanh thu	01	20	146.995.017.039	24.982.129.262
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		52.721.515.838	6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		23.190.871.138	5.566.940.279
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.339.381.817	751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		3.333.184.541	369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1.836.625.914	390.952.444
Doanh thu khác	01.9		63.573.437.791	10.963.624.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(7.880.206)
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		146.995.017.039	24.974.249.056
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	(52.861.677.666)	(22.011.047.732)
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán			(87.261.403.450)	(35.796.290.221)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán			34.399.725.784	13.785.242.489
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		94.133.339.373	2.963.201.324
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(71.863.621.761)	(3.482.774.030)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.269.717.612	(519.572.706)
8. Thu nhập khác	40		29.390.909	2.806.611.841
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.299.108.521	2.287.039.135
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	23	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.299.108.521	2.287.039.135
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	24	182,59	30,43

Người lập:



Nguyễn Văn Học
 Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
 Kế toán trưởng

12-08-2014

Người duyệt:



Trần Hải Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B03a-CTCK

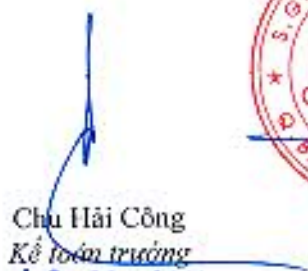
	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.299.108.521	2.287.039.135
2. Điều chỉnh cho các khoản		27.900.267.742	(391.905.672)
Khấu hao tài sản cố định	02	1.918.013.128	586.328.089
Các khoản dự phòng	03	14.760.114.959	13.889.678.898
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.887.116.981)	(21.754.173.511)
Chi phí lãi vay	06	31.109.256.636	6.886.260.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.199.376.263	1.895.133.463
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(58.111.525.004)	4.739.516.523
Giảm chứng khoán thương mại		-	13.341.619.829
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	30.372.205.446	109.207.746.777
Giảm chi phí trả trước	12	2.095.143.237	1.158.164.004
Tiền lãi vay đã trả	13	(38.763.692.296)	(2.371.774.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.208.492.354)	127.970.406.396
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(34.375.000)	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.990.151.344)	(35.168.932.499)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	45.449.999.437	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.442.681.701	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.868.154.794	(35.168.932.499)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	32.659.662.440	92.801.473.897
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	710.568.300.371	617.766.826.474
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 5)	70	743.227.962.811	710.568.300.371

Người lập:



Nguyễn Văn Học
 Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
 Kế toán trưởng
 12-08-2014

Người duyệt:



Trần Hải Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

• B05a-CTCK

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 9 tháng 12 năm 2013	621.242.800.000	-	-	-	621.242.800.000
Tăng vốn chủ sở hữu	600.000.000.000	-	-	-	600.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.287.039.135	2.287.039.135
Trích lập các quỹ	-	114.351.957	114.351.957	(228.703.914)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.221.242.800.000	114.351.957	114.351.957	2.058.335.221	1.223.529.839.135
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.299.108.521	22.299.108.521
Ghi nhận giảm khoản phải trả cổ đông do chênh lệch giá trị tài sản thuần phát sinh khi hợp nhất	-	-	-	9.589.318.940	9.589.318.940
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(343.055.870)	(343.055.870)
Sử dụng các quỹ	-	(4.195.600)	-	-	(4.195.600)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	1.221.242.800.000	110.156.357	114.351.957	33.603.706.812	1.255.071.015.126

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Châu Hải Công
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

12-08-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B09a-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT; Giấy phép hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty có hai (02) chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 259 nhân viên (tại 31 tháng 12 năm 2013: 262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

(ii) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

